

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi

Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thương Huyền	Thành viên
Ông Trần Đình Phúc	Thành viên
Ông Phó Thiên Sơn	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Trần Hải Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Phúc	Giám đốc
Ông Thái Hồng Nhã	Phó Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Trần Đình Phúc
Giám đốc

Thành phố Vinh, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Số: 245 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 27. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 5.157.868.088 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.946.038.187 VND), lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 37.905.167.109 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.746.033.499 VND). Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tới vấn đề sau (Tiếp theo):

- Như đã trình bày tại Thuyết minh 30 phần thuyết minh báo cáo tài chính, từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyên quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với PVN. Báo cáo tài chính chưa bao gồm điều chỉnh cho vấn đề này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty tồn tại khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND, đồng thời đã trích lập 100% dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý các khoản công nợ nêu trên.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1130-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		41.233.107.672	30.433.655.633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.469.717.932	20.870.392.018
1. Tiền	111		3.746.966.932	4.870.392.018
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.722.751.000	16.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.573.337.602	4.294.557.656
1. Phải thu khách hàng	131	5	22.707.018.906	20.559.895.224
2. Trả trước cho người bán	132	6	33.758.196.699	28.750.096.219
3. Các khoản phải thu khác	135		647.247.933	523.422.609
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(45.539.125.936)	(45.538.856.396)
III. Hàng tồn kho	140	7	2.936.539.548	2.313.117.338
1. Hàng tồn kho	141		2.936.539.548	2.313.117.338
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.253.512.590	2.955.588.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		692.691.444	1.490.289.735
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.560.821.146	1.465.298.886
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		140.189.106.493	143.136.410.202
I. Tài sản cố định	220		120.507.022.276	122.398.247.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	119.386.553.376	121.574.729.418
- Nguyên giá	222		169.585.785.950	169.086.019.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.199.232.574)	(47.511.290.528)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		442.380.500	442.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442.380.500)	(442.380.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.120.468.900	823.517.947
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.172.670.000	12.172.670.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	12.172.670.000	12.172.670.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.509.414.217	8.565.492.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.009.414.217	8.315.492.837
2. Tài sản dài hạn khác	268		500.000.000	250.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		181.422.214.165	173.570.065.835

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		46.390.975.760	40.379.693.820
I. Nợ ngắn hạn	310		46.390.975.760	40.379.693.820
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	30.000.000.000	30.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		2.746.983.709	2.626.017.099
3. Người mua trả tiền trước	313		10.161.306.928	2.581.868.328
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	558.938.812	541.573.318
5. Phải trả người lao động	315		520.896.008	2.122.798.214
6. Chi phí phải trả	316		581.922.405	488.892.305
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.915.842.286	2.116.458.944
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(94.914.388)	(97.914.388)
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		135.031.238.405	133.190.372.015
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	135.031.238.405	133.190.372.015
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		116.593.948	116.593.948
4. (Lỗ) lũy kế	420		(37.905.167.109)	(39.746.033.499)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		181.422.214.165	173.570.065.835

Người lập biểu



Kim Thị Liên Quý

Thành phố Vinh, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán



Lê Thị Hồng Gấm



Trần Đình Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	48.921.537.610	51.371.356.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	727.074.144	994.407.709
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		48.194.463.466	50.376.949.112
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	41.962.512.254	42.298.660.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.231.951.212	8.078.288.569
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	509.095.891	643.445.951
7. Chi phí tài chính	22	20	337.685.024	459.155.639
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		337.500.000	458.625.000
8. Chi phí bán hàng	24		1.249.856.080	816.123.700
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.399.167.524	3.839.409.108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.754.338.475	3.607.046.073
11. Thu nhập khác	31	22	259.205.020	976.184.002
12. Chi phí khác	32	23	172.677.105	1.121.531.361
13. Lãi/(lỗ) khác (40=31-32)	40		86.527.915	(145.347.359)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp (50=30+40)	50		1.840.866.390	3.461.698.714
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.840.866.390	3.461.698.714
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	123	231

Người lập biểu

Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

Giám đốc



Kim Thị Liên Quý

Lê Thị Hồng Gấm

Trần Đình Phúc

Thành phố Vinh, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
		đến ngày 30/6/2014	đến ngày 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.840.866.390	3.461.698.714
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.687.942.046	3.888.525.377
Các khoản dự phòng	03	269.540	74.314.327
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(509.095.891)	(768.398.679)
Chi phí lãi vay	06	337.500.000	458.625.000
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	4.357.482.085	7.114.764.739
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.312.391.744)	1.785.674.872
Thay đổi hàng tồn kho	10	(623.422.210)	(58.759.668)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	5.871.606.280	(4.561.335.390)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản dài hạn khác	12	1.985.852.571	(22.528.322)
Tiền lãi vay đã trả	13	(330.000.000)	(446.125.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	3.949.126.982	3.811.691.231
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(796.716.957)	(388.194.919)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	963.500.000
3. Thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	27	446.915.889	640.284.362
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(349.801.068)	1.215.589.443
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(420.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	(420.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	3.599.325.914	4.607.280.674
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.870.392.018	19.729.774.554
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	24.469.717.932	24.337.055.228

Người lập biểu



Kim Thị Liên Quý

Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán



Lê Thị Hồng Gấm



Trần Đình Phúc

Thành phố Vinh, ngày 12 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001789 ngày 01 tháng 02 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong năm 2009 với mã cổ phiếu là PDC.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 26 tháng 4 năm 2013, ngành nghề hoạt động của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hoá chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 240 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 249 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 5.157.868.088 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.946.038.187 VND), lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 37.905.167.109 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.746.033.499 VND), trong đó Công ty tồn tại khoản nợ dài hạn đến hạn trả 30 tỷ VND cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam). Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ, đồng thời xin gia hạn khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng cuối năm 2014 và năm 2015 sẽ khả quan. Các cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 Số năm (*)
Nhà cửa, vật kiến trúc	2,4 - 50
Máy móc, thiết bị	13 - 50
Phương tiện vận tải	10 - 50
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản khác	4 - 8

(*) Một số tài sản được bàn giao lại tại thời điểm cổ phần hóa (ngày 31 tháng 01 năm 2008) được trích khấu hao theo giá trị còn lại và số năm sử dụng hữu ích còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được lập theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	180.353.574	452.565.023
Tiền gửi ngân hàng	3.566.613.358	4.417.826.995
Các khoản tương đương tiền (i)	20.722.751.000	16.000.000.000
	<u>24.469.717.932</u>	<u>20.870.392.018</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vinh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	17.341.643.231	17.341.643.231
Các khách hàng của Khách sạn Phương Đông	4.620.958.187	2.369.681.463
Các khách hàng khác	744.417.488	848.570.530
	<u>22.707.018.906</u>	<u>20.559.895.224</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	27.097.000.000	27.097.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	6.326.199.600	1.362.340.600
Các đơn vị khác	334.997.099	290.755.619
	<u>33.758.196.699</u>	<u>28.750.096.219</u>

Trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo Hợp đồng số 07/HĐKT ngày 14 tháng 3 năm 2008 và Hợp đồng số 33/HĐKT ngày 13 tháng 6 năm 2008 về việc mua bán sản lát khô đưng bao được sử dụng để sản xuất nhiên liệu sinh học. Theo đó, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH có trách nhiệm thu gom và giao khoảng 30.000 tấn sản lát khô cho Công ty trong thời gian quy định trên các hợp đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 8 năm 2009, Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH không có khả năng giao đủ số hàng đã cam kết, còn thiếu 15.000 tấn sản lát khô chưa giao cho Công ty khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25 tháng 01 năm 2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Công ty đã làm đơn khiếu nại đề nghị tòa xem xét lại quy trình phá sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH vì cho rằng Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH chưa đủ điều kiện để phá sản, nhưng không được tòa thụ lý. Khả năng thu hồi các khoản phải thu Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (trình bày tại Thuyết minh số 5) và trả trước cho Công ty này như trình bày ở trên là không chắc chắn. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa quyết định xử lý khoản công nợ nêu trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 VND.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	906.778.114	819.246.540
Công cụ, dụng cụ	467.157.325	477.584.566
Hàng hóa	1.447.104.109	1.016.286.232
Hàng gửi bán	115.500.000	-
Cộng	<u>2.936.539.548</u>	<u>2.313.117.338</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	137.816.082.064	26.343.261.307	3.915.178.216	95.872.554	915.625.805	169.086.019.946
Mua sắm mới	30.000.000	469.766.004	-	-	-	499.766.004
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2014	<u>137.846.082.064</u>	<u>26.813.027.311</u>	<u>3.915.178.216</u>	<u>95.872.554</u>	<u>915.625.805</u>	<u>169.585.785.950</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	31.282.534.003	13.544.560.835	2.187.756.281	65.124.574	431.314.835	47.511.290.528
Trích khấu hao	1.518.245.916	885.423.963	220.905.300	11.699.394	51.667.473	2.687.942.046
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2014	<u>32.800.779.919</u>	<u>14.429.984.798</u>	<u>2.408.661.581</u>	<u>76.823.968</u>	<u>482.982.308</u>	<u>50.199.232.574</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	<u>105.045.302.145</u>	<u>12.383.042.513</u>	<u>1.506.516.635</u>	<u>19.048.586</u>	<u>432.643.497</u>	<u>119.386.553.376</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>106.533.548.061</u>	<u>12.798.700.472</u>	<u>1.727.421.935</u>	<u>30.747.980</u>	<u>484.310.970</u>	<u>121.574.729.418</u>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 6.025.627.998 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.853.007.998 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính. Nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 442.380.500 VND và 442.380.500 VND.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	823.517.947	493.793.337
Tăng trong kỳ/năm	296.950.953	972.782.047
Giảm khác	-	(643.057.437)
Số dư cuối kỳ/năm	1.120.468.900	823.517.947

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Kim Liên với tỷ lệ tương ứng là 16,5% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị khoản đầu tư dài hạn này không bị suy giảm nên không phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	8.315.492.837	480.120.501
Tăng trong kỳ/năm	727.845.719	10.135.875.346
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(2.033.924.339)	(2.300.503.010)
Số dư cuối kỳ/năm	7.009.414.217	8.315.492.837

Khoản chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh giá trị trang thiết bị, nội thất liên quan đến việc nâng cấp Khách sạn Phương Đông và giá trị công cụ, dụng cụ được sử dụng cho bộ phận bếp, buồng và nhà hàng của khách sạn.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (i)	30.000.000.000	30.000.000.000
	30.000.000.000	30.000.000.000

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) là khoản vay dài hạn đã quá hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 11 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, chịu lãi suất 1,5%/năm và được sử dụng để tài trợ cho dự án nâng cấp khách sạn Phương Đông từ 3 sao lên 4 sao. Dự án này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 4 năm 2009. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam để gia hạn hợp đồng vay. Hiện tại, Công ty đang chịu mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay thông thường, tương ứng với 2,25%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	415.718.789	360.566.318
Thuế tiêu thụ đặc biệt	127.953.161	181.007.000
Thuế thu nhập cá nhân	3.075.864	-
Thuế nhà đất	12.190.998	-
	<u>558.938.812</u>	<u>541.573.318</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các cổ đông của Công ty bao gồm:

	<u>Số lượng</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Giá trị</u>
	Cổ phiếu	%	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	7.428.756	49,53%	74.287.560.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	1.630.600	10,87%	16.306.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	9,8%	14.700.000.000
Cổ đông đại chúng	4.470.644	29,8%	44.706.440.000
	<u>15.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>150.000.000.000</u>

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Thặng dư vốn</u>	<u>Quỹ dự phòng</u>	<u>(Lỗ) lũy kế</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	cổ phần	tài chính	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(46.808.260.691)	126.128.144.823
Lãi trong năm	-	-	-	7.062.227.192	7.062.227.192
Tại ngày 31/12/2013	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(39.746.033.499)	133.190.372.015
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.840.866.390	1.840.866.390
Tại ngày 30/6/2014	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(37.905.167.109)	135.031.238.405

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 4 bộ phận với chức năng chính như sau:

- Khách sạn Phương Đông: Kinh doanh dịch vụ lưu trú và dịch vụ liên quan
- Nhà hàng Trường Thi: Kinh doanh dịch vụ ăn, uống
- Trung tâm Lữ hành: Kinh doanh dịch vụ du lịch
- Phòng Thương mại: Kinh doanh phân bón

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Khách sạn Phương Đông	Nhà hàng Trường Thi	Trung tâm Lữ hành	Phòng Thương mại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	137.269.611.353	2.566.397.861	1.746.389.648	1.576.958.471	143.159.357.333
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	38.262.856.832
Tổng tài sản hợp nhất	137.269.611.353	2.566.397.861	1.746.389.648	1.576.958.471	181.422.214.165
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	15.215.926.280	658.720.206	567.929.821	43.313.841	16.485.890.148
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	29.905.085.612
Tổng nợ phải trả hợp nhất	15.215.926.280	658.720.206	567.929.821	43.313.841	46.390.975.760

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Khách sạn Phương Đông	Nhà hàng Trường Thi	Trung tâm Lữ hành	Phòng Thương mại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	132.409.517.831	1.212.288.703	1.751.270.532	929.521.102	136.302.598.168
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	37.267.467.667
Tổng tài sản hợp nhất	132.409.517.831	1.212.288.703	1.751.270.532	929.521.102	173.570.065.835
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	2.780.791.095	421.313.894	380.149.388	90.576.989	3.672.831.366
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	36.706.862.454
Tổng nợ phải trả hợp nhất	2.780.791.095	421.313.894	380.149.388	90.576.989	40.379.693.820



Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Khách sạn Phương Đông	Nhà hàng Trường Thi	Trung tâm Lữ hành	Phòng Thương mại	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	22.338.270.503	3.552.444.244	1.605.480.908	20.698.267.811	48.194.463.466
Giá vốn bộ phận	16.638.867.145	3.241.319.837	1.568.727.250	20.513.598.022	41.962.512.254
Lợi nhuận gộp	5.699.403.358	311.124.407	36.753.658	184.669.789	6.231.951.212
Chi phí bán hàng	1.041.375.732	50.586.661	16.335.971	141.557.716	1.249.856.080
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.304.777.597	84.389.927	10.000.000	-	3.399.167.524
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.353.250.029	176.147.819	10.417.687	43.112.073	1.582.927.608
Doanh thu hoạt động tài chính					509.095.891
Chi phí tài chính					337.685.024
Lợi nhuận khác					86.527.915
Lãi trước thuế					1.840.866.390

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNGSố 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi
Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

	Khách sạn Phương Đông VND	Nhà hàng Trường Thi VND	Trung tâm Lữ hành VND	Phòng Thương mại VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	26.681.974.351	3.563.619.811	1.295.662.145	18.835.692.805	50.376.949.112
Giá vốn bộ phận	19.315.380.034	3.299.055.167	1.267.230.892	18.416.994.450	42.298.660.543
Lợi nhuận gộp	7.366.594.317	264.564.644	28.431.253	418.698.355	8.078.288.569
Chi phí bán hàng	555.567.574	21.655.377	24.475.056	214.425.693	816.123.700
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.751.700.452	95.144.456	(7.435.800)	-	3.839.409.108
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.059.326.291	147.764.811	11.391.997	204.272.662	3.422.755.761
Doanh thu hoạt động tài chính					643.445.951
Chi phí tài chính (Lỗ) khác					459.155.639 (145.347.359)
Lợi nhuận trước thuế					3.461.698.714

17. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	28.232.478.890	32.535.664.016
Kinh doanh phân bón	20.689.058.720	18.835.692.805
	48.921.537.610	51.371.356.821
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	727.074.144	994.407.709
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.194.463.466	50.376.949.112

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch	21.640.000.513	23.965.845.227
Kinh doanh phân bón	20.322.511.741	18.332.815.316
	41.962.512.254	42.298.660.543

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	508.297.162	640.284.362
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	798.729	1.271.099
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.890.490
	509.095.891	643.445.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	337.500.000	458.625.000
Chi phí tài chính khác	185.024	530.639
	<u>337.685.024</u>	<u>459.155.639</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.265.324.933	8.003.367.079
Chi phí nhân công	6.303.690.637	8.746.361.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.687.942.046	3.888.525.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.321.147.849	2.971.375.233
Chi phí khác bằng tiền	2.900.493.397	4.390.686.258
	<u>24.478.598.862</u>	<u>28.000.315.809</u>

22. THU NHẬP KHÁC

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý CCDC	8.243.818	963.500.000
Các khoản thu nhập khác	250.961.202	12.684.002
	<u>259.205.020</u>	<u>976.184.002</u>

23. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán CCDC	11.192.000	835.385.683
Bồi thường, bị phạt và chi phí khác	161.485.105	286.145.678
	<u>172.677.105</u>	<u>1.121.531.361</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.840.866.390	3.461.698.714
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Lỗi các năm trước chuyển sang	(39.746.033.499)	(46.808.260.691)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	(37.905.167.109)	(43.346.561.977)
Thuế suất hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc sử dụng các khoản lỗ này phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai của Công ty. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ thuần tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, thuế suất phổ thông áp dụng là 22% theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.840.866.390	3.461.698.714
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	123	231

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 151/HĐ-TĐ ngày 14 tháng 10 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 9.715,5 m² đất tại số 2 đường Trường Thi, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 50 năm kể từ tháng 9 năm 1996. Đơn giá thuê đất bình quân là 33.848 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 237/HĐ-TĐ ngày 31 tháng 12 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 1.125,2 m² đất tại số 167 đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh với thời hạn thuê là 40 năm kể từ tháng 12 năm 2009. Đơn giá thuê đất bình quân là khoảng 37.200 VND/m²/năm. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

Theo Hợp đồng thuê đất số 158/HĐ-TĐ ngày 25 tháng 10 năm 2013 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Công ty thuê 3.198 m² đất tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích xây dựng Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông. Thời hạn thuê đến hết ngày 26 tháng 9 năm 2063, đơn giá thuê đất thực hiện theo Quyết định số 400/QĐ.ĐC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Tiền thuê đất được thanh toán hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT ĐẦU TƯ

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương hợp tác kinh doanh dự án Khách sạn Cửa Đông tại địa chỉ số 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Bán lẻ và Quản lý Bất động sản Đại Dương (ORC). Công ty góp vốn bằng quyền phát triển dự án, được định giá dựa trên lợi thế thương mại của dự án (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và các chi phí đã bỏ ra) với giá trị dự kiến khoảng 10.000.000.000 VND. ORC góp bằng tiền bao gồm toàn bộ chi phí thủ tục, thiết kế, xây dựng dự án. Số tiền này sẽ được xác định sau khi dự án hoàn thành và theo chi phí thực tế (không quá 17.500.000.000 VND). Tổng diện tích của khu đất dự án là 1.125,2 m².

Tại ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương chuyển hướng hợp tác kinh doanh dự án Khách sạn Cửa Đông tại địa chỉ số 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo đó, đối tác của Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC).

Tại ngày 10 tháng 5 năm 2013, Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư "Dự án Khách sạn Cửa Đông tại số 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An" số 313/PTC-OGC/HTĐT-2013 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương. Hai bên sẽ hợp tác xây dựng khách sạn Cửa Đông với tổng chi phí ước tính 21,637 tỷ VND trên khu đất thuê của Nhà nước có thời hạn đến ngày 01 tháng 12 năm 2049 với tổng diện tích 1.125,2 m². Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền, quyền lợi và lợi ích chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất 167 Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, được định giá dựa trên lợi thế thương mại của dự án và các chi phí mà Công ty đã bỏ ra trong quá trình triển khai dự án tính đến thời điểm hợp tác. Hai bên thống nhất định giá phần tài sản góp vốn nêu trên là 10 tỷ VND. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện dự án. Hai bên thống nhất xác định phần tài sản góp vốn trên khoảng 21,637 tỷ VND.

- Tại ngày 07 tháng 01 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Trung tâm hội nghị 800 chỗ, Văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông tại số 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An. Tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 35.068.800.000 VND. Tổng diện tích xây dựng dự kiến là 4.160 m² cho 2 tầng. Tầng 1 kinh doanh văn phòng và tầng 2 kinh doanh dịch vụ hội trường, phòng ăn. Tại ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty đã ký kết Hợp đồng số 20/2013/HĐTT/PTC-OGC với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình thuộc dự án Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông tại số 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 31.631.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương 6.326.199.600 VND.

Tại ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT về việc phê duyệt chủ trương cho phép ký hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản tại dự án Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông tại số 218 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Nghệ An. Theo đó, Công ty bán toàn bộ mặt bằng tầng 1 phần Trung tâm hội nghị trong quy hoạch ngoại trừ phần tiền sảnh và sảnh lên tầng 2 của Trung tâm hội nghị cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Diện tích mua tối thiểu là 1.575m². Hai bên thống nhất giá mua bán diện tích nêu trên là 33.963.000.000 VND (đã bao gồm VAT).

Tại ngày 21 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT về việc phê duyệt tổng dự toán dự án Trung tâm hội nghị 800 chỗ, văn phòng làm việc và thương mại Phương Đông (giai đoạn I) tại 218 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo đó, tổng giá trị dự toán của công trình là 33.302.230.666 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và (lỗ) lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	30.000.000.000	30.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	24.469.717.932	20.870.392.018
Nợ thuần	5.530.282.068	9.129.607.982
Vốn chủ sở hữu	135.031.238.405	133.190.372.015
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,04	0,07

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.469.717.932	20.870.392.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.912.140.903	2.641.461.437
Đầu tư dài hạn	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	500.000.000	250.000.000
Tổng cộng	42.054.528.835	35.934.523.455
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.662.825.995	4.742.476.043
Chi phí phải trả	581.922.405	488.892.305
Tổng cộng	35.244.748.400	35.231.368.348

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong kỳ, Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá do các giao dịch này là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khách hàng và ứng trước cho người bán. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của các khoản phải thu, trả trước cho người bán và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đã trích lập được trình bày tại Thuyết minh số 5 và số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/6/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.469.717.932	-	24.469.717.932
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.912.140.903	-	4.912.140.903
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	-	500.000.000	500.000.000
Tổng cộng	29.381.858.835	12.672.670.000	42.054.528.835
30/6/2014			
Các khoản vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.662.825.995	-	4.662.825.995
Chi phí phải trả	581.922.405	-	581.922.405
Tổng cộng	35.244.748.400	-	35.244.748.400
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.862.889.565)	12.672.670.000	6.809.780.435
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.870.392.018	-	20.870.392.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.641.461.437	-	2.641.461.437
Đầu tư dài hạn	-	12.172.670.000	12.172.670.000
Tài sản tài chính khác	-	250.000.000	250.000.000
Tổng cộng	23.511.853.455	12.422.670.000	35.934.523.455
31/12/2013			
Các khoản vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.742.476.043	-	4.742.476.043
Chi phí phải trả	488.892.305	-	488.892.305
Tổng cộng	35.231.368.348	-	35.231.368.348
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.719.514.893)	12.422.670.000	703.155.107

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5 và 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi với số tiền 44.438.643.231 VND.

Bên cạnh đó, như đã trình bày ở Thuyết minh số 13, khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - PVCombank (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam) là khoản vay dài hạn đến hạn trả theo Hợp đồng tín dụng số 53/PV-PTC/PVF08 ngày 27 tháng 11 năm 2008 với hạn mức vay là 50 tỷ VND, ngày đáo hạn là 27 tháng 11 năm 2011. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa ký được phụ lục hợp đồng với PVCombank để gia hạn hợp đồng vay. Số dư gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 30.000.000.000 VND. Đồng thời, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tổng số nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 5.157.868.088 VND. Tuy nhiên, Công ty đã nhận được sự cam kết hỗ trợ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Cổ đông chính của Công ty để đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty hoạt động trong năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (“OCH”)	Chủ sở hữu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (“OJB”)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”)	Chủ sở hữu OCH
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Cùng chủ sở hữu với OCH

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ trong kỳ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	349.801.114	425.301.851
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	6.920.909	-
Lãi tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	363.278.460	477.396.945

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
Tiền gửi thanh toán	3.566.613.358	1.781.070.816
Tiền gửi có kỳ hạn	20.722.751.000	13.500.000.000
Các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ		
Ứng trước cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	6.326.199.600	1.362.340.600

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/6/2013</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	342.577.618	474.810.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu “PETROVIETNAM và hình” với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ VND.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đang trong quá trình thanh lý hợp đồng với PVN để xin miễn khoản phí sử dụng nhãn hiệu và hình phải trả PVN cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Người lập biểu

Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

Giám đốc



Kim Thị Liên Quý

Lê Thị Hồng Gấm

Trần Đình Phúc

Thành phố Vinh, ngày 12 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 421 /PTC-TCKT

TP. Vinh, ngày 14 tháng 8 năm 2014

V/v: Giải trình ý kiến lưu ý của kiểm toán tại
Báo cáo tài chính bán niên năm 2014 đã được
kiểm toán

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện quy định của Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, liên quan đến những nội dung lưu ý của kiểm toán tại Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (mã CK: PDC) xin giải trình như sau:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt với số công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 5.157.868.088 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.946.038.187 VND), lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 37.905.167.109 VND (đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.746.033.499 VND). Ban Giám đốc Công ty đã lên phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản vay nợ, đồng thời xin gia hạn nợ khoản vay để Công ty có đủ thời gian thu xếp trả nợ. Bên cạnh đó phía cổ đông chính của PTC là Ngân hàng TM CP Đại Dương đã có công văn xác nhận hỗ trợ về tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cho đến khi Công ty có khả năng tạo được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đủ để duy trì hoạt động của mình.

- Từ năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), theo đó, Công ty được sử dụng nhãn hiệu "PETROVIETNAM và hình" với mức phí phải trả hàng năm là 6% lợi nhuận trước thuế của năm tài chính trước liền kề của bên nhận nhưng không thấp hơn 1 tỷ đồng. Theo Công văn số 9596/DKVN-PC ngày 30 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") đã miễn phí sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam năm 2010 và 6 tháng 2011 với số tiền là 1,5 tỷ VND. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty không thực hiện trích trước khoản phí sử dụng nhãn hiệu phải trả PVN cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến 30 tháng 6 năm 2014 với tổng số tiền 3 tỷ VND do Công ty đang trong quá trình đàm phán với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để xin miễn khoản phí trên từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

- Khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán từ Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tương ứng là 17.341.643.231 VND và 27.097.000.000 VND. Hiện tại, Công ty đã nhận được quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân Tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH ngày 13 tháng 12 năm 2011 với số tiền thu hồi là 78.356.769 VND, và quyết định tuyên bố phá sản ngày 11 tháng 1 năm 2012 của



Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu khó đòi của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền 44.438.643.132 VND. Hiện nay Công ty chưa có quyết định xử lý đối với khoản công nợ này.

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông xin giải trình đề Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cổ đông của Công ty được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/cáo);
- Người được ủy quyền CBTT;
- Website PTC;
- Lưu: VT, TCKT, ĐTD.



GIÁM ĐỐC ✓

Trần Đình Phúc

